



Phát triển thị trường tín chỉ các - bon rừng tại Nghệ An

NGUYỄN THỊ TRÀ

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Trước khi sắp xếp, Nghệ An là địa phương có diện tích rừng lớn nhất cả nước và giữ vai trò nòng cốt trong Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung bộ (ERPA). Tỉnh hiện đang đứng trước nhiều cơ hội để phát triển thị trường tín chỉ các - bon rừng, hướng tới lượng hóa giá trị tài nguyên thiên nhiên thành nguồn tài chính bền vững. Bài viết phân tích thực trạng, cơ hội, thách thức và đề xuất lộ trình phát triển thị trường này đến năm 2035. Việc phát triển thành công thị trường tín chỉ các - bon rừng sẽ góp phần thực hiện cam kết Net Zero của Việt Nam, đồng thời tạo nguồn lực cho bảo vệ rừng, nâng cao sinh kế và thúc đẩy tăng trưởng xanh tại địa phương.

1. MỞ ĐẦU

Biến đổi khí hậu đã và đang là thách thức an ninh phi truyền thống nghiêm trọng nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21. Để ứng phó, cộng đồng quốc tế đã thông qua Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu năm 2015, đặt ra mục tiêu chung là giữ cho mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng an toàn. Trong bối cảnh đó, các cơ chế thị trường, đặc biệt là thị trường các-bon, đã nổi lên như một công cụ kinh tế hiệu quả để định giá cho phát thải và huy động nguồn lực tài chính cho các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính (KNK). Lĩnh vực lâm nghiệp, với vai trò vừa là nguồn phát thải khi mất rừng, vừa là bể hấp thụ KNK, giữ vị trí trung tâm trong các nỗ lực này thông qua sáng kiến Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+).

Tại Việt Nam, cam kết mạnh mẽ đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) đã mở ra một giai đoạn mới cho các hành động khí hậu. Để hiện thực hóa cam kết này, Chính phủ đã ban hành các chính sách mang tính nền tảng, nổi bật là Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP) quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải KNK và phát triển thị trường các - bon trong nước. Theo đó, thị trường các - bon nội địa dự kiến vận hành thí điểm từ năm 2025 và chính thức từ năm 2029, tạo ra cả áp lực và cơ hội cho các ngành, lĩnh vực và địa phương.

Nghệ An sở hữu diện tích đất có rừng lên tới 973.011,94 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên 790.396,6 ha, tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 59,01% (Sở NN&PTNT Nghệ An, 2024). Tỉnh cũng là nơi có

Khu dự trữ sinh quyển thế giới Tây Nghệ An với giá trị đa dạng sinh học nổi bật toàn cầu. Đây là tiềm năng vô giá để tạo ra một lượng lớn tín chỉ các - bon, không chỉ mang lại lợi ích về môi trường mà còn mở ra một hướng đi mới cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, việc chuyển hóa tiềm năng to lớn này thành các lợi ích kinh tế - xã hội cụ thể và bền vững là một bài toán phức tạp, đòi hỏi một cách tiếp cận bài bản, khoa học, nhận diện rõ các cơ hội và vượt qua các thách thức cố hữu.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC - BON RỪNG

2.1. Khung pháp lý tại Việt Nam

Hành lang pháp lý cho thị trường các - bon rừng tại Việt Nam đang dần được hình thành và hoàn thiện. Luật BVMT năm 2020 quy định việc kiểm kê KNK cấp quốc gia, ngành, lĩnh vực và cơ sở hai năm một lần. Luật này cũng thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước để trao đổi hạn ngạch phát thải và tín chỉ các - bon. Ngoài ra, Luật Lâm nghiệp năm 2017, lần đầu tiên chính thức công nhận “dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” là một trong 5 loại dịch vụ môi trường rừng (khoản 3 Điều 61), đặt nền móng cho việc thương mại hóa giá trị này. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP) quy định chi tiết việc giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tăng ô-dôn, đồng thời, xác định lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước. Theo lộ trình, Việt Nam sẽ thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia và vận hành thí điểm Sàn giao dịch các-bon trong nước đến hết năm 2028. Nghị định cũng quy định các đối tượng tham gia thị trường các - bon trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung bộ (ERPA) ký kết giữa Bộ NN&PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Ngân hàng Thế giới (thông qua Quỹ Đối tác các-bon trong Lâm nghiệp - FCPF). Theo đó, Việt Nam cam kết giảm 10,3 triệu tấn CO₂ trong giai đoạn 2018 - 2024 tại 6 tỉnh Bắc Trung bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế) và được FCPF chi trả 51,5 triệu USD (tương đương 5 USD/tấn CO₂e) nếu đạt kết quả. Đây là mô hình giao dịch dựa trên kết quả đầu tiên ở quy mô lớn tại Việt Nam. Theo đó, Nghị định số 107/2022/NĐ-CP: Quy định cụ thể về cơ chế quản lý tài chính và chia sẻ lợi ích (Benefit



Sharing Plan - BSP) cho chương trình ERPA, đảm bảo nguồn tiền đến được với các chủ rừng và cộng đồng trực tiếp tham gia bảo vệ rừng.

Ngoài ra, các chiến lược và kế hoạch quốc gia như: Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược biến đổi khí hậu quốc gia, Chương trình REDD+ và Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP)... đều lồng ghép các mục tiêu giảm phát thải và thích ứng, trong đó có vai trò của rừng. Các quy định, cơ chế, chính sách khác như: Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/1/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường các - bon tại Việt Nam; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 2/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

2.2. Thực trạng thị trường tín chỉ các - bon rừng ở Nghệ An

Hiện nay, thị trường tín chỉ các-bon rừng ở Nghệ An đang ở giai đoạn đầu hình thành, còn sơ khai, với các hoạt động chủ yếu xoay quanh khuôn khổ của chương trình thí điểm ERPA.

Tham gia và kết quả từ Chương trình ERPA: Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất và đóng vai trò trọng yếu trong chương trình ERPA. Tỉnh đã tích cực triển khai các hoạt động tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm đáp ứng cam kết của chương trình.

Kết quả giảm phát thải: Theo báo cáo giám sát của FCPF được công bố, toàn vùng Bắc Trung bộ đã giảm phát thải thành công và được xác minh là 10,3 triệu tấn CO₂ trong giai đoạn đầu tiên. Tháng 8/2023, Việt Nam đã chính thức nhận được khoản thanh toán đầu tiên trị giá 51,5 triệu USD từ Ngân hàng Thế giới (Ngân hàng Thế giới, 2023). Với những đóng

Kết quả triển khai ERPA ở tỉnh Nghệ An

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Địa phương	Số tiền thực thu			Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	
		Tổng cộng	Trung ương điều phối	Lãi tiền gửi ngân hàng			So với kế hoạch	So với số thực thu
A	B	I=2+3	2	3	4	5	6=(5/4)%	7=(5/1)%
	Cả khu vực	1.214,68	1.213,17	1,51	1.137,59	747,66	65,72%	61,55%
1	Nghệ An	356,07	355,59	0,48	348,15	177,65	51,03%	49,89%

Nguồn: Báo cáo thực hiện ERPA của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (2025)

góp quan trọng vào kết quả chung, Nghệ An đã nhận được giá trị tương xứng từ khoản chi trả này để phân bổ cho các bên liên quan, với diện tích của các chủ rừng được chi trả khoảng trên 790.352 ha. Đây là địa phương được phân bổ nguồn tiền ERPA lớn nhất trong 6 tỉnh thực hiện Thỏa thuận này.

Triển khai chia sẻ lợi ích: Dựa trên Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An đã xây dựng phương án để chi trả nguồn tiền này. Ưu tiên hàng đầu là các chủ rừng gồm cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia tuần tra, bảo vệ rừng, và các ban quản lý rừng. Theo số liệu báo cáo năm 2024 của tỉnh, tổng số chủ rừng được chi trả 27,898, trong đó: Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: 27,315; Chủ rừng là cộng đồng: 332; Chủ rừng là tổ chức: 40. UBND xã được giao trách nhiệm quản lý rừng: 211 xã. Việc triển khai chi trả thành công sẽ tạo động lực cho chủ rừng, khẳng định lợi ích kinh tế trực tiếp từ việc giữ rừng. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện còn một số khó khăn, vướng mắc; chính vì vậy, tỷ lệ giải ngân còn thấp, chưa như kỳ vọng.

Các hoạt động trên thị trường tự nguyện: Ngoài chương trình ERPA, các hoạt động trên thị trường tự nguyện tại Nghệ An gần như chưa có. Mặc dù đã có một số tổ chức, doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước tiến hành khảo sát, tìm hiểu cơ hội phát triển dự án các-bon theo các tiêu chuẩn quốc tế như Verra (VCS) hoặc Gold Standard, nhưng chưa có dự án nào đi vào triển khai thực tế. Nguyên nhân chính là do các rào cản về pháp lý, đặc biệt là sự thiếu rõ ràng về quyền sở hữu các-bon, cùng với chi phí đầu tư ban đầu cao.

Năng lực thể chế và kỹ thuật: Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình REDD+ và xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP). Sở NN&PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh là hai cơ quan đầu mối trong việc điều phối, triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình ERPA. Đội ngũ cán bộ lâm nghiệp của tỉnh đã được làm quen với các khái niệm và yêu cầu của hệ thống MRV thông qua các chương trình tập huấn của ERPA.

Tuy nhiên, năng lực để tự chủ hoàn toàn trong việc phát triển một dự án các-bon độc lập (từ khâu thiết kế văn kiện dự án, xây dựng đường cơ sở phát thải, giám sát, lập báo cáo) theo tiêu chuẩn quốc tế... vẫn còn là một thách thức lớn, đòi hỏi sự đầu tư bài bản hơn về con người và công nghệ.

2.3. Cơ hội và tiềm năng phát triển

Một là, tiềm năng trữ lượng các - bon khổng lồ từ “lá phổi xanh”: Với gần 1 triệu ha rừng, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên rộng lớn và giàu có trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Tây Nghệ An, tiềm năng hấp thụ và



Quang cảnh rừng tại xã Mỹ Lý, tỉnh Nghệ An

lưu giữ các - bon của tỉnh là cực kỳ lớn. Đây là cơ sở để tạo ra một khối lượng tín chỉ dồi dào. Hơn nữa, các tín chỉ có nguồn gốc từ khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, gắn với bảo tồn văn hóa bản địa thường được định giá cao hơn trên thị trường tự nguyện trong nước và quốc tế do có nhiều lợi ích đi kèm (co-benefits).

Hai là, khung chính sách quốc gia đang mở đường và tạo ra “cầu” nội địa: Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP là một cú hích chính sách quan trọng. Từ năm 2029, khi các doanh nghiệp phát thải lớn tại Việt Nam (bao gồm cả các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An và các địa phương khác trong cả nước) buộc phải tuân thủ hạn ngạch phát thải, họ sẽ trở thành những khách hàng tiềm năng, tạo ra một thị trường nội địa sôi động cho tín chỉ các-bon rừng của tỉnh.

Ba là, kinh nghiệm thực tiễn từ ERPA là lợi thế cạnh tranh độc nhất: Việc tham gia thành công vào chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và đặc biệt là thực hiện Chương trình ERPA vùng Bắc Trung bộ giúp Nghệ An có được những kinh nghiệm thực tiễn mà không nhiều địa phương khác có được: Từ việc xây dựng mức tham chiếu phát thải, vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng, đến triển khai cơ chế chia sẻ lợi ích. Đây là vốn tri thức giúp tỉnh đi nhanh hơn và hiệu quả hơn trong việc phát triển các dự án mới.

Bốn là, nhu cầu ngày càng tăng của thị trường quốc tế: Cuộc đua hướng tới Net Zero của các tập đoàn đa quốc gia đang thúc đẩy thị trường các - bon tự nguyện phát triển mạnh mẽ. Các tín chỉ dựa vào thiên nhiên (nature-based solutions) đang được săn đón. Nếu các dự án của Nghệ An được chứng nhận bởi các tiêu chuẩn uy tín quốc tế, tỉnh hoàn toàn có thể tiếp cận thị trường này với mức giá tiềm năng cao hơn đáng kể so với mức 5 USD/tấn của ERPA.

Năm là, tạo ra nguồn tài chính bền vững và hiện thực hóa lợi ích kép: Phát triển thị trường các - bon sẽ tạo ra một nguồn thu mới, ổn định, bổ sung kinh phí và nguồn thu từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng hiện tại. Nguồn tài chính này sẽ tái đầu tư cho công tác bảo vệ rừng, đồng thời cải thiện trực tiếp sinh kế, góp phần giảm nghèo bền vững cho hàng chục ngàn hộ dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số đang sống dựa vào rừng.

2.4. Những thách thức hiện nay

Bên cạnh những cơ hội lớn, quá trình phát triển thị trường tín chỉ các-bon rừng ở Nghệ An cũng đối mặt với không ít thách thức mang tính cấu trúc. Luật pháp Việt Nam hiện hành chưa có định nghĩa rõ ràng ai là người sở hữu hợp pháp các - bon và tín chỉ các-bon được tạo ra từ rừng: Nhà nước (với tư cách đại diện chủ sở hữu tài nguyên rừng), chủ rừng được giao đất (công ty lâm nghiệp, ban quản lý, hộ gia đình), hay cộng đồng tham gia bảo vệ? nên việc ký kết các hợp đồng mua bán, đặc biệt việc huy động sự tham gia của khu vực tư nhân gặp khó khăn, vì nhà đầu tư không thể chắc chắn về quyền sở hữu đối với “hàng hóa” mà họ bỏ tiền ra mua. Bên cạnh đó, Nghị định số 107/2022/NĐ-CP là một cơ chế tốt nhưng chỉ áp dụng riêng cho chương trình ERPA. Tỉnh cần một khung chính sách chung, minh bạch và công bằng về chia sẻ lợi ích cho tất cả các loại hình dự án các - bon (cả tuân thủ và tự nguyện) trong tương lai, đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và cộng đồng, tránh các xung đột xã hội tiềm tàng.

Ngoài ra, hệ thống MRV hiện tại của tỉnh, dù đã được cải thiện nhờ ERPA, chủ yếu dựa trên các phương pháp thống kê và theo dõi định kỳ. Việc đáp ứng yêu cầu khắt khe về tính chính xác, minh bạch và tần suất cao của các tiêu chuẩn tự nguyện (như VCS) đòi hỏi



phải đầu tư lớn vào các công nghệ giám sát hiện đại (viễn thám độ phân giải cao, Lidar, AI) và đào tạo nhân lực chuyên sâu. Chi phí để phát triển một dự án các - bon đặc biệt là các dự án thực hiện theo chuẩn quốc tế là tốn kém, có thể lên tới hàng trăm nghìn USD cho các khâu như xây dựng văn kiện dự án (PDD), thẩm định (validation) và kiểm chứng (verification) bởi bên thứ ba. Các chủ rừng nhỏ lẻ hoặc cộng đồng sẽ không đủ khả năng tài chính và kỹ thuật để tự chi trả...

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC - BON RỪNG ĐẾN NĂM 2035

Để trở thành một trung tâm phát triển thị trường tín chỉ các - bon rừng của cả nước, Nghệ An cần triển khai các nội dung như:

Thứ nhất, hoàn thiện khung thể chế và chính sách địa phương: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An cần có quyết tâm chính trị cao nhất, xác định phát triển thị trường các - bon rừng là một nhiệm vụ chiến lược, một động lực tăng trưởng mới của tỉnh; Chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng và sớm ban hành “Đề án Phát triển thị trường các-bon rừng tỉnh Nghệ An” với lộ trình, nguồn lực và phân công trách nhiệm rõ ràng; Xây dựng khung chia sẻ lợi ích (Benefit-Sharing) minh bạch cho hộ gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp và Ban quản lý rừng. Bảo đảm tối thiểu 70 -80% nguồn thu tín chỉ quay lại chủ rừng.

Thứ hai, xây dựng hệ thống MRV đồng bộ: Ứng dụng viễn thám, bản đồ vệ tinh, kết hợp đo đếm thực địa định kỳ để tính toán trữ lượng các - bon; Xây dựng bộ dữ liệu rừng tập trung toàn tỉnh và chuẩn hóa theo hướng dẫn REDD+; Thuê các tổ chức thẩm định quốc tế để đảm bảo tính minh bạch, tạo niềm tin cho người mua tín chỉ.

Thứ ba, tổ chức lại chủ rừng theo mô hình “góp nhóm”: Thành lập các hợp tác xã lâm nghiệp các - bon, hoặc tổ liên kết chủ rừng tại Quế Phong, Con Cuông, Tương Dương; Mô hình này giúp giảm chi phí tạo tín chỉ, tăng quy mô dự án và dễ chứng nhận quốc tế.

Thứ tư, tăng cường kết nối thị trường: Phối hợp với Bộ NN& MT để tiếp cận các quỹ các - bon quốc tế, doanh nghiệp trong nước tham gia thị trường các - bon bắt buộc; Xây dựng bộ tài liệu “ERPA-ready package” gồm baseline, phương án MRV, đánh giá tác động xã hội - môi trường, để giới thiệu với các tổ chức mua tín chỉ.

Thứ năm, tài chính và hỗ trợ ban đầu: Sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, nguồn ODA hoặc PPP để tài trợ chi phí xây dựng dự án trong giai đoạn đầu; Áp dụng cơ chế trả trước một phần (“advance payment”) cho chủ rừng, giúp người dân có động lực tham gia.

Thứ sáu, đảm bảo an sinh và bảo vệ đa dạng sinh học: Lồng ghép tiêu chuẩn an toàn xã hội (FPIC – đồng thuận dựa trên thông tin đầy đủ và tự nguyện); Kết hợp mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học để nâng giá trị tín chỉ trên thị trường quốc tế.

4. KẾT LUẬN

Thị trường tín chỉ các - bon rừng không còn là một khái niệm xa vời mà đã trở thành một cơ hội hiện hữu, một hướng đi chiến lược cho Nghệ An. Tỉnh đang nắm trong tay tiềm năng, lợi thế to lớn về tài nguyên rừng, kinh nghiệm và sự ủng hộ từ chính sách quốc gia. Việc phát triển thành công thị trường này sẽ tạo ra một cuộc cách mạng trong quản lý tài nguyên, mang lại nguồn tài chính bền vững để chủ rừng, người dân tham gia giữ rừng, làm giàu từ rừng một cách chính đáng, góp phần thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2022). Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP).
2. Chính phủ (2022). Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải KNK vùng Bắc Trung bộ.
3. Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Báo cáo tổng kết công tác lâm nghiệp năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.
4. Ecosystem Marketplace (2025). Báo cáo thị trường các-bon tự nguyện 2025 (“State of the Voluntary Carbon Market 2025”).
5. Ngân hàng Thế giới (2023, August 10). Vietnam Receives \$51.5 Million for Reducing Carbon Emissions and Joins World Bank Partnership to Scale Up Climate Action. Truy xuất từ <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2023/08/10/vietnam-receives-51-5-million-for-reducing-carbon-emissions-and-joins-world-bank-partnership-to-scale-up-climate>.
6. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (2025). Báo cáo thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải KNK vùng Bắc Trung bộ (ERPA).
7. Quốc hội (2017). Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.
8. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An (2025). Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 ngành NN & PTNT Nghệ An.
9. Thủ tướng Chính phủ (2024). Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/1/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.